



# tesa® 51025 PV10

## Thông tin Sản phẩm

Băng keo vải PET có thể xé bằng tay dùng đóng gói



### Mô tả sản phẩm

tesa® 51025 PV10 là băng keo vải PET dán dây cáp với keo cao su không có dung môi.

Các tính năng chính:

- Chịu nhiệt 125°C/3000h
- Không dung môi
- Xé bằng tay
- Màu sắc: Đen

### Đặc trưng

- Chịu nhiệt 125°C/3000h
- Không dung môi
- Xé bằng tay

### Ứng dụng

tesa® 51025 PV10 được thiết kế để quấn lên lớp có nhiệt độ 125°C.

## Thông tin kỹ thuật (giá trị trung bình)

Các giá trị trong phần này chỉ nên được coi là mang tính đại diện hoặc điển hình và không nên sử dụng cho mục đích thiết lập thông số kỹ thuật.

### Cấu tạo sản phẩm

- |            |         |          |        |
|------------|---------|----------|--------|
| • Lớp nền  | Vải PET | • Độ dày | 150 µm |
| • Loại keo | cao su  |          |        |

### Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- |                                               |         |                                                |                     |
|-----------------------------------------------|---------|------------------------------------------------|---------------------|
| • Độ giãn dài tối đứt                         | 25 %    | • Khả năng chống mài mòn (10mm mandrel, LV312) | Class B             |
| • Lực kéo căng                                | 80 N/cm | • Khả năng xé bằng tay                         | có                  |
| • Giảm ồn (LV312)                             | Class A | • Lực tháo ra (cuộn với bề rộng > 9mm)         | 8 N/roll (30 m/min) |
| • Khả năng chịu nhiệt tối thiểu               | -40 °C  | • Lực tháo ra (cuộn với bề rộng ≤ 9mm)         | 8 N/roll (30 m/min) |
| • Khả năng chịu nhiệt tối đa                  | 125 °C  | • Điện áp đánh thủng điện môi                  | 6300 V              |
| • Khả năng chống mài mòn (5mm mandrel, LV312) | Class A |                                                |                     |



# tesa® 51025 PV10

## Thông tin Sản phẩm

### Độ kết dính trên

- thép 6.5 N/cm

### Thông tin thêm

Chiều rộng tiêu chuẩn: 9, 19, 25, 32, 38 mm Chiều dài tiêu chuẩn: 25, 50 m

- Hầu hết có thể kết hợp chiều rộng và chiều dài
- Kích thước khác được cung cấp theo yêu cầu
- Đường kính lõi tiêu chuẩn: 38 mm

## Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51025>